

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: -Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
-Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty: Công ty cổ phần vận tải và đưa đón thợ mỏ - Vinacomin; Mã CK: VTM
Trụ sở chính: Đường Huỳnh Thúc Kháng, Phường Cẩm Đông, Thành phố Cẩm Phả,
Tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: 0333.862.343

Fax: 0333.864.038

Website: www.tmc.vn

Người thực hiện công bố thông tin: NGUYỄN NGỌC HẢI

Địa chỉ: Phòng Kế toán Thống kê - Công ty cổ phần vận tải và đưa đón thợ mỏ -
Vinacomin

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0904.689.474;

Fax: 0333.864.038

Loại thông tin công bố: 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☐ Định kỳ ☒
(công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

Nội dung thông tin công bố: **Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán.**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn
chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 20 tháng 03 năm 2017

Người thực hiện công bố thông tin



Nguyễn Ngọc Hải

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ -
VINACOMIN**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Lưu kế toán



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Đường Huỳnh Thúc Kháng, phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 46

03134
CÔ
RÁCH NI
P
VIỆ
VH XU

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Đường Huỳnh Thúc Kháng, phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp Vận tải và Đưa đón thợ mỏ thuộc Công ty Vật tư Vận tải và Xếp dỡ - Tập đoàn Than Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2203000190 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 22/12/2003. Trong quá trình hoạt động các nội dung thay đổi về cổ đông sáng lập, người đại diện pháp luật của công ty, số đăng ký kinh doanh đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 5 số 5700477326 ngày 31/12/2015.

2. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị Công ty, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Thành viên Hội đồng quản trị:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Vũ Đức Tuấn	Chủ tịch HĐQT
- Ông Phan Văn Cường	Ủy viên
- Ông Hoàng Minh Sơn	Ủy viên

Thành viên Ban Giám đốc:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Phan Văn Cường	Giám đốc
- Ông Lương Văn Hiếu	Phó Giám đốc
- Ông Hoàng Minh Sơn	Phó Giám đốc

Thành viên Ban kiểm soát:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Phạm Xuân Phong	(i) Trưởng ban (đến hết ngày 25/04/2016)
- Ông Lê Lương Ứng	(i) Trưởng ban (kể từ ngày 26/04/2016)
- Ông Nguyễn Ngọc Thành	Ủy viên
- Bà Trịnh Thị Huệ	Ủy viên

- (i) Theo biên bản họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 35/BB-ĐĐTM ngày 26/04/2016 của đại hội đồng cổ đông Công ty, thông qua kết quả bầu ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2021.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Đường Huỳnh Thúc Kháng, phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại: Đường Huỳnh Thúc Kháng, phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Đường Huỳnh Thúc Kháng, phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Quảng Ninh, ngày 15 tháng 03 năm 2017

THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC



Phan Văn Cường

Số: 48 /2017/BCKT-PKF.VPC

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin được lập ngày 15 tháng 03 năm 2017 bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 46 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

3440640-
CÔNG TY
NHIỆM VỤ
PKF
VIỆT NAM
XUÂN

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Nguyễn Hoàng Hà
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0740-2015-242-1

Hoàng Văn Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2917-2015-242-1



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Đường Huỳnh Thúc Kháng, phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	12/31/2016	01/01/2016
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		39.631.441.198	49.804.060.316
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		636.237.673	1.197.567.376
Tiền	111	5.1	636.237.673	1.197.567.376
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		36.317.558.584	39.633.100.784
Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	5.2	35.091.523.697	38.950.426.220
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		639.000.000	254.000.000
Các khoản phải thu khác	136	5.3	587.034.887	428.674.564
Hàng tồn kho	140	5.4	1.509.993.743	6.281.722.792
Hàng tồn kho	141		1.509.993.743	6.281.722.792
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.167.651.198	2.691.669.364
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	1.167.651.198	2.691.669.364
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản phải thu N. Nước	153	5.11	-	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		137.539.923.193	145.304.689.867
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		124.790.802.492	137.569.485.006
TSCĐ hữu hình	221	5.6	124.790.802.492	137.569.485.006
- Nguyên giá	222		391.369.764.425	362.514.065.484
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(266.578.961.933)	(224.944.580.478)
Bất động sản đầu tư	230	5.7	7.908.635.250	-
- Nguyên giá	231		7.942.927.974	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(34.292.724)	-
Tài sản dở dang dài hạn	240	5.5	49.090.909	2.886.080.908
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		49.090.909	2.886.080.908
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		4.791.394.542	4.849.123.953
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	4.791.394.542	4.849.123.953
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		177.171.364.391	195.108.750.183

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Đường Huỳnh Thúc Kháng, phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	12/31/2016	01/01/2016
NỢ PHẢI TRẢ	300		139.738.259.804	161.157.009.898
Nợ ngắn hạn	310		83.131.980.164	103.792.881.437
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	14.433.555.766	16.887.849.615
Người mua trả tiền trước	312		-	-
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	1.140.355.700	1.938.391.681
Phải trả người lao động	314		19.400.440.592	25.386.131.737
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	42.750.000	-
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	5.13	1.813.960.595	3.519.386.159
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.9	46.048.834.406	52.959.262.640
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		252.083.105	3.101.859.605
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		56.606.279.640	57.364.128.461
Phải trả dài hạn khác	337	5.13	612.000.000	944.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.9	55.994.279.640	56.420.128.461
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		37.433.104.587	33.951.740.285
Vốn chủ sở hữu	410	5.14	37.433.104.587	33.951.740.285
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		32.797.970.000	32.797.970.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		32.797.970.000	32.797.970.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		472.691.257	472.691.257
Quỹ đầu tư phát triển	418		681.079.028	681.079.028
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.481.364.302	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.481.364.302	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		177.171.364.391	195.108.750.183

Quảng Ninh, ngày 15 tháng 03 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN

GIÁM ĐỐC








Phan Văn Cường

Nguyễn Thị Nhung

Nguyễn Ngọc Hải

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Đường Huỳnh Thúc Kháng, phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	313.256.430.719	341.172.527.611
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	10		313.256.430.719	341.172.527.611
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	6.2	266.759.928.542	293.801.498.616
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		46.496.502.177	47.371.028.995
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	13.120.923	23.595.582
Chi phí tài chính	22	6.4	10.637.710.691	10.546.288.092
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.637.710.691	10.446.957.563
Chi phí bán hàng	24		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.7	32.535.321.280	31.175.418.030
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.336.591.129	5.672.918.455
Thu nhập khác	31	6.5	2.965.917.241	719.719.591
Chi phí khác	32	6.6	1.555.325.871	780.705.822
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.410.591.370	(60.986.231)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.747.182.499	5.611.932.224
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	1.265.818.197	1.373.790.596
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		3.481.364.302	4.238.141.628
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	1.061	838
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Quảng Ninh, ngày 15 tháng 03 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Nhung



Nguyễn Ngọc Hải



Phan Văn Cường

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Đường Huỳnh Thúc Kháng, phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		4.747.182.499	5.611.932.224
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		53.121.171.432	58.199.551.799
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.748.801.425)	(430.624.389)
Chi phí lãi vay	06		10.637.710.691	10.446.957.563
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		65.757.263.197	73.827.817.197
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		3.704.542.200	(909.984.946)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		4.771.729.049	(3.732.458.534)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11		(6.227.244.014)	(1.213.458.506)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		1.581.747.577	(746.882.335)
Tiền lãi vay đã trả	14		(10.637.710.691)	(10.535.761.667)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.013.790.596)	(1.822.923.566)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		72.300.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.366.812.500)	(1.567.355.650)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		55.642.024.222	53.298.991.993
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21		(51.522.285.495)	(63.594.831.935)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		2.735.680.502	407.028.807
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		13.120.923	23.595.582
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(48.773.484.070)	(63.164.207.546)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	116.921.365.399	95.367.089.469
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(124.257.642.454)	(86.471.187.226)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(93.592.800)	(1.344.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.429.869.855)	7.551.902.243
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM				
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.197.567.376	3.510.880.686
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		636.237.673	1.197.567.376

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Nhung

Nguyễn Ngọc Hải

Nguyễn Thị Nhung

Nguyễn Ngọc Hải



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp Vận tải và Đưa đón thợ mỏ thuộc Công ty Vật tư Vận tải và Xếp dỡ - Tập đoàn Than Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2203000190 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 22/12/2003. Trong quá trình hoạt động các nội dung thay đổi về cổ đông sáng lập, người đại diện pháp luật của công ty, số đăng ký kinh doanh đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 5 số 5700477326 ngày 31/12/2015.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Hoạt động chính của Công ty là: Đưa đón thợ mỏ; vận tải hành khách công cộng; Sửa chữa thiết bị vận tải. Ngoài ra, Công ty không có hoạt động đáng kể nào ngoài chức năng kinh doanh đã được đăng ký.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở tại: Đường Huỳnh Thúc Kháng, phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, số lượng cán bộ nhân viên của Công ty là 867 người, trong đó số nhân viên quản lý là 81 người.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|---|---|
| - Giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho | Giá đích danh |
| - Chi phí SXKD dở dang khác | Tập hợp đến chi phí nguyên vật liệu trực tiếp |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT - BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

- | | |
|-----------------------------------|------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 6 - 33 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 10 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6 - 8 năm |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.6 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá bất động sản đầu tư (BĐS đầu tư) là toàn bộ các chi phí bằng tiền mà Công ty bỏ ra để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới BĐS đầu tư được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi BĐS đầu tư được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý bất động sản đầu tư đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao BĐS đầu tư được tính theo phương pháp đường thẳng được ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong năm. Thời gian sử dụng ước tính của BĐS đầu tư được tính theo thời gian sử dụng của nhà cửa vật kiến trúc được hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013.

Bất động sản đầu tư là các văn phòng do Công ty sở hữu và cho thuê theo hợp đồng thuê hoạt động.

Thời gian trích khấu hao bất động sản đầu tư của công ty như sau:

- Nhà 25 năm

4.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

4.8 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng) và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định. Chi phí trả trước dài hạn sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.9 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

4.10 Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong năm tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong năm tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng năm không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong năm tài chính đó.

4.11 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700477326 điều chỉnh lần 5 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015, và cho đến ngày kết thúc năm tài chính, các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Công ty như sau:



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Nhà đầu tư	Vốn điều lệ		
	Theo GCNKD (VND)	Vốn thực góp (VND)	%
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	31.238.090.000	31.238.090.000	100%
Các cổ đông khác	1.559.880.000	1.559.880.000	100%

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

4.13 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (ii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Giá vốn hàng bán của Công ty bao gồm giá vốn cung cấp dịch vụ và khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi giảm giá vốn.

4.15 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hóa theo quy định, lỗ chênh lệch tỷ giá và các chi phí khác phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

4.16 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hóa, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu các mức thuế suất thuế GTGT như sau:

- Cước vận chuyển và các dịch vụ khác: 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được chấp nhận là chi phí hợp lý, hợp lệ cho mục đích tính thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuế suất thuế TNDN trong năm của Công ty: 20%

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm là chi phí thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

31344064
CÔNG T
CH NHIỆM
PKH
VIỆT N
XUÂN

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Đường Huỳnh Thúc Kháng, phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền

		31/12/2016	01/01/2016
		(VND)	(VND)
Tiền mặt tại quỹ	(i)	56.736.864	107.106.078
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	(ii)	579.500.809	1.090.461.298
Cộng		636.237.673	1.197.567.376

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 31/12/2016 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Đồng Việt Nam		56.736.864
Đồng ngoại tệ		-
Cộng		56.736.864

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2016 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Ngoại tệ		-
Đồng Việt Nam		579.500.809
<i>Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam</i>		44.017.785
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i>		303.774.349
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN</i>		122.464.786
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội</i>		109.243.889
Cộng		579.500.809

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Đường Huỳnh Thúc Kháng, phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.2. Phải thu khách hàng

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	35.091.523.697	38.950.426.220
Công ty cổ phần than Cao Sơn - Vinacomin	1.561.480.944	4.114.689.352
Công ty Xây dựng mỏ Hàm lò I - TKV	4.210.032.609	-
Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin	-	1.670.906.942
Công ty than Nam Mẫu - TKV	-	2.577.753.418
Công ty than Hạ Long - TKV	224.416.845	5.577.359.694
Các khoản phải thu khách hàng khác	29.095.593.299	25.009.716.814
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	35.091.523.697	38.950.426.220

5.3. Phải thu khác

	31/12/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	587.034.887	-	428.674.564	-
Phải thu cán bộ công nhân viên	540.020.936	-	322.043.776	-
Phải thu khác	47.013.951	-	106.630.788	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	587.034.887	-	428.674.564	-

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Đường Huỳnh Thúc Kháng, phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.4. Hàng tồn kho

	31/12/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	1.456.625.137	-	6.254.722.792	-
Công cụ, dụng cụ	53.368.606	-	27.000.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	-	-
Thành phẩm	-	-	-	-
Hàng hoá	-	-	-	-
Hàng gửi bán	-	-	-	-
Hàng hoá kho bảo thuế	-	-	-	-
Cộng	1.509.993.743	-	6.281.722.792	-

5.5. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-	-
b. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	49.090.909	-	2.886.080.908	-
- Chi phí xây dựng cơ bản	49.090.909	-	2.886.080.908	-
- Nhà chờ xe công nhân + VP điều hành	-	-	1.531.011.817	-
- Đầu tư mua 3 xe ô tô vận chuyển công nhân	-	-	926.454.545	-
- Các dự án khác	49.090.909	-	428.614.546	-
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	-	-	-
Cộng	49.090.909	-	2.886.080.908	-

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Đường Huỳnh Thúc Kháng, phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.6. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	21.527.271.171	4.646.052.367	336.305.274.746	35.467.200	-	362.514.065.484
- Mua trong năm	-	-	32.464.960.733	-	-	32.464.960.733
- Đầu tư XDCB hoàn thành	7.925.956.267	-	-	-	-	7.925.956.267
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(221.370.960)	-	(11.231.988.839)	-	-	(11.453.359.799)
- Giảm khác	(18.897.000)	(62.961.260)	-	-	-	(81.858.260)
Số dư cuối năm	29.212.959.478	4.583.091.107	357.538.246.640	35.467.200	-	391.369.764.425
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư đầu năm	10.057.211.128	3.305.916.124	211.545.986.026	35.467.200	-	224.944.580.478
- Khấu hao trong năm	2.190.037.404	430.524.679	50.466.316.625	-	-	53.086.878.708
- Tính hao mòn	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(138.650.154)	-	(11.231.988.839)	-	-	(11.370.638.993)
- Giảm khác	(18.897.000)	(62.961.260)	-	-	-	(81.858.260)
Số dư cuối năm	12.089.701.378	3.673.479.543	250.780.313.812	35.467.200	-	266.578.961.933
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	11.470.060.043	1.340.136.243	124.759.288.720	-	-	137.569.485.006
Tại ngày cuối năm	17.123.258.100	909.611.564	106.757.932.828	-	-	124.790.802.492
- GTCL TS thế chấp, cầm cố						102.822.130.613
- NGTS đã KH hết, đang sử dụng						120.202.718.153
- NGTS chờ thanh lý						3.297.671.293

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Đường Huỳnh Thúc Kháng, phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.7. Bất động sản đầu tư

	Số đầu năm (VND)	Tăng trong năm (VND)	Giảm trong năm (VND)	Số cuối năm (VND)
Nguyên giá BĐS đầu tư	-	7.942.927.974	-	7.942.927.974
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	-	7.942.927.974	-	7.942.927.974
Nhà và Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	-	34.292.724	-	34.292.724
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	-	34.292.724	-	34.292.724
Nhà và Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị còn lại của BĐS đầu tư	-	7.908.635.250	-	7.908.635.250
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	-	7.908.635.250	-	7.908.635.250
Nhà và Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm tầng 1, tầng 2 của Tòa nhà văn phòng điều hành và dịch vụ thương mại (Giá trị còn lại theo sổ sách kế toán là 7.908.635.250 đồng). Tòa nhà văn phòng điều hành và thương mại đã đưa vào sử dụng và chưa có quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản hành thành. Theo đánh giá của Công ty thì giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 không nhỏ hơn giá gốc đang phản ánh trên sổ kế toán.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Đường Huỳnh Thúc Kháng, phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.8. Chi phí trả trước

	31/12/2016	01/01/2016
	(VND)	(VND)
a. Ngắn hạn	1.167.651.198	2.691.669.364
Chi phí mua bảo hiểm xe ô tô	570.366.766	733.441.066
Chi phí sửa chữa	-	1.238.112.332
Chi phí sử dụng đường bộ	597.284.432	692.646.966
Công cụ, dụng cụ	-	27.469.000
b. Dài hạn	4.791.394.542	4.849.123.953
Công cụ, dụng cụ	35.600.000	-
Chi phí sử dụng đường bộ	109.687.098	-
Chi phí sửa chữa TSCĐ thuê ngoài	106.256.442	1.310.901.087
Chi phí sửa chữa TSCĐ tự làm	3.885.780.094	3.538.222.866
Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản	654.070.908	-
Cộng	5.959.045.740	7.540.793.317

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Đường Huỳnh Thúc Kháng, phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.9. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2016 (VND)		Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2016 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ			Giá trị	Khả năng trả nợ
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	52.959.262.640	52.959.262.640	118.273.214.220	125.183.642.454	46.048.834.406	46.048.834.406
<i>Các khoản vay ngắn hạn</i>	<i>9.725.862.640</i>	<i>9.725.862.640</i>	<i>73.665.801.759</i>	<i>73.877.179.993</i>	<i>9.514.484.406</i>	<i>9.514.484.406</i>
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	3.736.820.040	3.736.820.040	39.298.631.320	43.035.451.360	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN	5.989.042.600	5.989.042.600	34.367.170.439	30.841.728.633	9.514.484.406	9.514.484.406
<i>Các khoản vay dài hạn đến hạn thanh toán</i>	<i>43.233.400.000</i>	<i>43.233.400.000</i>	<i>44.607.412.461</i>	<i>51.306.462.461</i>	<i>36.534.350.000</i>	<i>36.534.350.000</i>
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	17.441.400.000	17.441.400.000	23.030.612.461	23.928.462.461	16.543.550.000	16.543.550.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	6.100.000.000	6.100.000.000	1.525.000.000	6.100.000.000	1.525.000.000	1.525.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN	19.692.000.000	19.692.000.000	20.051.800.000	21.278.000.000	18.465.800.000	18.465.800.000
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Chi tiết theo kỳ hạn gốc)	56.420.128.461	56.420.128.461	44.181.563.640	44.607.412.461	55.994.279.640	55.994.279.640
<i>Từ 1 - 5 năm</i>	<i>4.310.062.461</i>	<i>4.310.062.461</i>	<i>926.000.000</i>	<i>5.236.062.461</i>	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	4.310.062.461	4.310.062.461	926.000.000	5.236.062.461	-	-
<i>Từ 5 - 10 năm</i>	<i>52.110.066.000</i>	<i>52.110.066.000</i>	<i>43.255.563.640</i>	<i>39.371.350.000</i>	<i>55.994.279.640</i>	<i>55.994.279.640</i>
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	6.668.550.000	6.668.550.000	31.827.563.640	17.794.550.000	20.701.563.640	20.701.563.640
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	1.525.000.000	1.525.000.000	-	1.525.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN	43.916.516.000	43.916.516.000	11.428.000.000	20.051.800.000	35.292.716.000	35.292.716.000
Cộng	109.379.391.101	109.379.391.101	162.454.777.860	169.791.054.915	102.043.114.046	102.043.114.046

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Đường Huỳnh Thúc Kháng, phường Cẩm Đông, Thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.10. Phải trả người bán

	31/12/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	14.433.555.766	14.433.555.766	16.887.849.615	16.887.849.615
Công ty CP Vật tư - TKV - XN Vật tư Cẩm Phả	7.543.435.179	7.543.435.179	7.295.694.477	7.295.694.477
Công ty CP Đầu tư Gia Thịnh TKT	2.548.976.000	2.548.976.000	-	-
Công ty CP Tư vấn thiết kế và Xây dựng Hà Nội	-	-	2.202.286.617	2.202.286.617
Phải trả cho các đối tượng khác	4.341.144.587	4.341.144.587	7.389.868.521	7.389.868.521
b. Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	14.433.555.766	14.433.555.766	16.887.849.615	16.887.849.615
c. Nợ quá hạn chưa thanh toán				

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Đường Huỳnh Thúc Kháng, phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2016 (VND)	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2016 (VND)
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	1.673.556.085	14.668.432.581	15.720.882.639	621.106.027
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	263.790.596	1.265.818.197	1.013.790.596	515.818.197
Thuế thu nhập cá nhân	1.045.000	364.389.991	365.434.991	-
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Thuế đất và tiền thuê đất	-	516.861.147	513.429.671	3.431.476
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	749.429.120	749.429.120	-
Cộng	1.938.391.681	17.567.931.036	18.365.967.017	1.140.355.700
b. Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	-

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Đường Huỳnh Thúc Kháng, phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.12. Chi phí phải trả

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
a. Ngắn hạn	42.750.000	-
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát Công ty	42.750.000	-
b. Dài hạn	-	-
Cộng	42.750.000	-

5.13. Phải trả khác

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
a. Ngắn hạn	1.813.960.595	3.519.386.159
Kinh phí công đoàn	16.067.420	40.028.920
Các khoản phải trả, phải nộp khác (i)	1.797.893.175	3.479.357.239
b. Dài hạn	612.000.000	944.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	100.000.000	-
Tiền trách nhiệm công nhân mới	512.000.00	944.000.000
Cộng	2.425.960.595	4.463.386.159

(i) Số dư chi tiết phải trả, phải nộp ngắn hạn khác tại ngày 31/12/2016 bao gồm:

	31/12/2016 (VND)
Tiền trách nhiệm công nhân mới	1.031.340.287
Quỹ phát triển, nhân đạo xã hội	576.807.871
Phải trả khác	189.745.017
Cộng	1.797.893.175

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Đường Huỳnh Thúc Kháng, phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.14. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<i>Vốn đầu tư của chủ SH</i>	<i>Vốn khác của chủ sở hữu</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	16.800.000.000	13.617.863.319	2.852.797.938	-	-	33.270.661.257
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	681.079.028	-	4.238.141.628	4.919.220.656
Tăng khác	15.997.970.000	2.852.797.938	-	-	-	18.850.767.938
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	(15.997.970.000)	(2.852.797.938)	-	(4.238.141.628)	(23.088.909.566)
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	32.797.970.000	472.691.257	681.079.028	-	-	33.951.740.285
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	3.481.364.302	3.481.364.302
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	32.797.970.000	472.691.257	681.079.028	-	3.481.364.302	37.433.104.587

Công ty chưa thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2016.



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Đường Huỳnh Thúc Kháng, phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
Vốn góp của Nhà nước	31.238.090.000	31.238.090.000
Vốn góp của đối tượng khác	1.559.880.000	1.559.880.000
Cộng	32.797.970.000	32.797.970.000

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 Cổ phiếu

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	32.797.970.000	32.797.970.000
Vốn góp đầu năm	32.797.970.000	16.800.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	15.997.970.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	32.797.970.000	32.797.970.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	1.967.878.200

Cổ phiếu

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.279.797	3.279.797
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.279.797	3.279.797
Cổ phiếu phổ thông	3.279.797	3.279.797
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.279.797	3.279.797
Cổ phiếu phổ thông	3.279.797	3.279.797
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND	

Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	681.079.028	681.079.028

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ để tái đầu tư sản xuất

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Đường Huỳnh Thúc Kháng, phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
a. Doanh Thu	313.256.430.719	341.172.527.611
Doanh thu bán hàng	-	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	312.940.083.119	341.038.302.011
Doanh thu khác	316.347.600	134.225.600
b. Doanh thu với các bên liên quan: Phụ biểu 03		

6.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
Giá vốn thành phẩm đã bán	-	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	266.443.580.942	293.801.498.616
Giá vốn khác	316.347.600	
Cộng	266.759.928.542	293.801.498.616

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.120.923	23.595.582
Cộng	13.120.923	23.595.582

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
Lãi tiền vay	10.637.710.691	10.446.957.563
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	99.330.529
Cộng	10.637.710.691	10.546.288.092

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Đường Huỳnh Thúc Kháng, phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6.5 Thu nhập khác

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	2.735.680.502	407.028.807
Các khoản khác	230.236.739	312.690.784
Cộng	2.965.917.241	719.719.591

6.6 Chi phí khác

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
Các khoản bị phạt	690.050.669	110.630.000
Các khoản khác	865.275.202	670.075.822
Cộng	1.555.325.871	780.705.822

6.7 Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
a. Chi phí quản lý doanh nghiệp	32.535.321.280	31.175.418.030
Chi phí nhân viên	15.743.524.365	15.634.956.061
Chi phí bằng tiền khác	12.957.922.212	12.766.272.556
Các khoản khác	3.833.874.703	2.774.189.413
b. Các khoản ghi giảm Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
Cộng	32.535.321.280	31.175.418.030

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Đường Huỳnh Thúc Kháng, phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016	Năm 2015
	(VND)	(VND)
a. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	109.375.803.237	129.940.598.467
Chi phí nhân công	101.751.588.375	106.602.516.459
Chi phí khấu hao TSCĐ	53.121.171.432	57.780.091.312
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.489.904.715	12.352.258.205
Chi phí khác bằng tiền	20.904.339.291	30.192.897.229
Cộng	299.642.807.050	336.868.361.672
b. Các khoản ghi giảm chi phí		
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Các khoản ghi giảm khác	-	-
Cộng	-	-

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016	Năm 2015
	(VND)	(VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.265.818.197	1.373.790.596
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNHH của năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (i)	1.265.818.197	1.373.790.596

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Đường Huỳnh Thúc Kháng, phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

(i) Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm 2016 bao gồm:

	Năm 2016 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.265.818.197
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.747.182.499
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	1.674.260.484
+ <i>Phạt vi phạm hành chính, truy thu thuế GTGT, khấu hao TSCĐ, khoản khác</i>	1.674.260.484
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	92.352.000
+ <i>Doanh thu đã tính thuế năm trước</i>	92.352.000
- Tổng thu nhập chịu thuế	6.329.090.983
- Chuyển lỗ năm trước	-
- Thu nhập tính thuế	6.329.090.983
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.265.818.197
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNDN của năm nay	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.265.818.197

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	3.481.364.302	4.238.141.628
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-	(1.489.059.400)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.279.797	3.279.797
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.061	838

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6.11 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Trong năm 2016, Công ty không phát sinh các giao dịch mua, bán bằng ngoại tệ, không có số dư tiền, công nợ bằng ngoại tệ nên Công ty không có rủi ro về ngoại tệ.

(ii) **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Đường Huỳnh Thúc Kháng, phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 31/12/2016			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	636.237.673	-	636.237.673
Phải thu khách hàng	35.091.523.697	-	35.091.523.697
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	1.226.034.887	-	1.226.034.887
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<i>Trừ:</i>	-	-	-
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	36.953.796.257	-	36.953.796.257
Các khoản vay và nợ	46.048.834.406	55.994.279.640	102.043.114.046
Phải trả người bán	14.433.555.766	-	14.433.555.766
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	22.397.506.887	612.000.000	24.977.385.087
Tổng cộng	82.879.897.059	56.606.279.640	141.454.054.899
Chênh lệch thanh khoản thuần	(45.926.100.802)	(56.606.279.640)	(104.500.258.642)

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Đường Huỳnh Thúc Kháng, phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 01/01/2016			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.197.567.376	-	1.197.567.376
Phải thu khách hàng	39.204.426.220	-	39.204.426.220
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	428.674.564	-	428.674.564
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	40.830.668.160	-	40.830.668.160
Các khoản vay và nợ	52.959.262.640	56.420.128.461	109.379.391.101
Phải trả người bán	16.887.849.615	-	16.887.849.615
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	33.945.769.182	944.000.000	34.889.769.182
Tổng cộng	103.792.881.437	57.364.128.461	161.157.009.898
Chênh lệch thanh khoản thuần	(62.962.213.277)	(57.364.128.461)	(120.326.341.738)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) **Giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2016	01/01/2016	31/12/2016	01/01/2016
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	<i>35.091.523.697</i>	<i>39.204.426.220</i>	<i>35.091.523.697</i>	<i>39.204.426.220</i>
<i>Các khoản phải thu khác</i>	<i>1.226.034.887</i>	<i>428.674.564</i>	<i>1.226.034.887</i>	<i>428.674.564</i>
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản TĐT</i>	<i>636.237.673</i>	<i>1.197.567.376</i>	<i>636.237.673</i>	<i>1.197.567.376</i>
Tổng cộng	36.953.796.257	40.830.668.160	36.953.796.257	40.830.668.160

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Đường Huỳnh Thúc Kháng, phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2016	01/01/2016	31/12/2016	01/01/2016
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	102.043.114.046	109.379.391.101	102.043.114.046	109.379.391.101
Phải trả người bán	14.433.555.766	16.887.849.615	14.433.555.766	16.887.849.615
Phải trả khác	23.009.506.887	34.889.769.182	23.009.506.887	34.889.769.182
Tổng cộng	139.486.176.699	161.157.009.898	139.486.176.699	161.157.009.898

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2016 và ngày 01/01/2016. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

6.12 Báo cáo bộ phận

Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: lĩnh vực kinh doanh dịch vụ vận chuyển và các lĩnh vực cung cấp các dịch vụ khác. Chi tiết kết quả hoạt động kinh doanh theo từng ngành nghề như sau:

	DV vận chuyển	Sửa chữa PTVT	Khác	Tổng cộng
	VND	VND		VND
Năm 2015				
Doanh thu	329.730.726.670	11.307.575.341	134.225.600	341.172.527.611
Các khoản giảm trừ	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	282.266.495.325	11.535.003.291	-	293.801.498.616
Lợi nhuận gộp	47.464.231.345	(227.427.950)	134.225.600	47.371.028.995
Năm 2016				
Doanh thu	299.251.690.681	13.688.392.438	316.347.600	313.256.430.719
Các khoản giảm trừ	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	252.856.041.362	13.587.539.580	316.347.600	266.759.928.542
Lợi nhuận gộp	46.395.649.319	100.852.858	-	46.496.502.177

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ phát sinh tại khu vực thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Đường Huỳnh Thúc Kháng, phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1 Số tiền đi vay thực thu trong năm

Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	116.921.365.399
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	-

7.2 Số tiền đã trả gốc vay trong năm

Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	124.257.642.454
Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	-

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Thông tin về các bên có liên quan

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin) và các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn được nhận biết là các bên có liên quan của Công ty.

Số dư tại ngày 31/12/2016 và các giao dịch với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016 được thể hiện tại các phụ biểu đính kèm, cụ thể như sau:

- Phụ biểu 01: Báo cáo Tài sản cố định mua nội bộ Tập đoàn;
- Phụ biểu 02: Báo cáo mua bán vật tư hàng hóa trong nội bộ Tập Đoàn;
- Phụ biểu 03: Báo cáo doanh thu nội bộ trong Tập đoàn;
- Phụ biểu 04: Báo cáo các khoản phải thu, phải trả trong nội bộ Tập đoàn.

Thu nhập của các Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

	Năm 2016 (VND)
- Lương, thưởng của Ban Giám đốc	1.028.300.240
- Thù lao của Hội đồng quản trị	556.850.023
Tổng cộng	1.585.150.263

8.2 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc cho rằng không có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Đường Huỳnh Thúc Kháng, phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

8.3 Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Quảng Ninh, ngày 15 tháng 03 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Nhung



Nguyễn Ngọc Hải



Phan Văn Cường



BÁO CÁO CHI TIẾT TÀI SẢN MUA TRỰC TIẾP TỪ CÁC ĐƠN VỊ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN ĐỂ HÌNH THÀNH TSCĐ TẠI ĐƠN VỊ
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

Đơn vị: VND

STT	Nội dung	Số lượng	Giá mua theo hoá đơn	Nguyên giá TSCĐ trên sổ sách	Khấu hao lũy kế đến cuối năm báo cáo trên sổ sách	Giá trị còn lại đến cuối năm báo cáo trên sổ sách	Thời điểm tăng TSCĐ để trích khấu hao (ngày/tháng/năm)	Thời gian trích khấu hao tài sản (Đơn vị: Năm)	Thời gian khấu hao còn lại tính đến cuối kỳ báo cáo (Đơn vị: Năm)	Sử dụng tài sản cho mục đích (SXKD, quản lý, bán hàng)	Số hiệu	Ngày tháng
A	B	1	2	3	4	5=3-4	6	7	8	9	10	11
A	TSCĐ, hàng tồn kho, công trình XD CB mua của đơn vị trong nội bộ Tập đoàn đã tăng tài sản để trích khấu hao tính đến cuối kỳ báo cáo											
	Tổng cộng		1.616.000.000	1.638.839.090	699.234.500	939.604.590						
I	Cty CP Than Mông Dương - vinacomin		926.000.000	947.284.545	663.493.390	283.791.155						
I.1	Nhà cửa vật kiến trúc		-	-	-	-						
I.2	Máy móc thiết bị		-	-	-	-						
I.3	Phương tiện vận tải		926.000.000	947.284.545	663.493.390	283.791.155						
1	Xe ô tô Transinco 1-5, 46 chỗ - 14B 01970	1	370.000.000	378.471.620	205.456.021	173.015.599	20/01/2016	1,75	0,80	SXKD	0052182	31/12/2015
2	Xe ô tô Transinco 1-5, 46 chỗ - 14B 01940	1	310.000.000	317.122.168	206.346.612	110.775.556	20/01/2016	1,46	0,51	SXKD	0052183	31/12/2015
3	Xe ô tô Daewoo BS 105, 46 chỗ - 14B 02039	1	246.000.000	251.690.757	251.690.757	0	20/01/2016	0,64	-	SXKD	0052184	31/12/2015
II	Công ty XNK than - vinacomin		690.000.000	691.554.545	35.741.110	655.813.435						

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Đường Huỳnh Thúc Kháng, phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

Phụ biểu 01

BÁO CÁO CHI TIẾT TÀI SẢN MUA TRỰC TIẾP TỪ CÁC ĐƠN VỊ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN ĐỂ HÌNH THÀNH TSCĐ TẠI ĐƠN VỊ
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

Đơn vị: VND

STT	Nội dung	Số lượng	Giá mua theo hoá đơn	Nguyên giá TSCĐ trên sổ sách	Khấu hao lũy kế đến cuối năm báo cáo trên sổ sách	Giá trị còn lại đến cuối năm báo cáo trên sổ sách	Thời điểm tăng TSCĐ để trích khấu hao (ngày/tháng/năm)	Thời gian trích khấu hao tài sản (Đơn vị: Năm)	Thời gian khấu hao còn lại tính đến cuối kỳ báo cáo (Đơn vị: Năm)	Sử dụng tài sản cho mục đích (SXKD, quản lý, bán hàng)	Số hiệu	Ngày tháng
A	B	1	2	3	4	5=3-4	6	7	8	9	10	11
II.1	Nhà cửa vật kiến trúc		-	-	-	-						
II.2	Máy móc thiết bị		-	-	-	-						
II.3	Phương tiện vận tải		690.000.000	691.554.545	35.741.110	655.813.435						
1	Xe nâng hàng CPCD30	1	690.000.000	691.554.545	35.741.110	655.813.435	02/08/2016	8	7,59	SXKD	0026169	29/07/2016
B	TSCĐ, hàng tồn kho, công trình XD CB mua của đơn vị trong nội bộ Tập đoàn nhưng chưa tăng tài sản trích khấu hao (do trong quá trình đầu tư, hoặc nguyên nhân khác) tính đến cuối kỳ báo cáo											
	Tổng cộng											

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Nhung

TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN



Nguyễn Ngọc Hải



Quảng Ninh, ngày 15 tháng 03 năm 2017

GIÁM ĐỐC

Phan Văn Cường

TỔNG HỢP KHÁCH HÀNG MUA, BÁN VẬT TƯ HÀNG HOÁ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị	Giá trị mua trong kỳ	Giá trị bán trong kỳ
A	B	1	2
1.	Công ty CP Chế tạo máy - vinacomin	10.670.000	-
2	Công ty CP Vật tư - TKV - XN Vật tư Cẩm Phả	29.650.877.501	-
3	Công ty than Quang Hanh - TKV	934.370.283	-
4	Công ty CP sản xuất và thương mại than Uông Bí	681.677.118	-
5	Công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco	684.615.000	-
6	Công ty CP than Mông Dương - vinacomin	23.386.300	-
	Tổng cộng	31.985.596.202	-

Quảng Ninh, ngày 15 tháng 03 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Nhung



Nguyễn Ngọc Hải



Phan Văn Cường



Địa chỉ: Đường Huỳnh Thúc Kháng, phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG KÊ DV VẬN CHUYỂN BÁN NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

TT	Tên đơn vị mua	Đơn vị tính	Doanh thu		
			Số lượng	Đơn giá	Giá trị (VNĐ)
A	B	C	1	2	3
1	Công ty Cổ phần than Đèo Nai - vinacomin				11.064.906.335
2	Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - vinacomin				17.434.662.014
3	Công ty Cổ phần than Cao Sơn - vinacomin				24.951.628.720
4	Công ty than Thống nhất -TKV				3.953.190.435
5	Công ty Cổ phần than Mông Dương - vinacomin				9.343.654.632
6	Công ty than Khe Chàm -TKV				20.501.980.287
7	Công ty than Dương Huy -TKV				26.711.042.715
8	Công ty than Quang Hanh -TKV				12.646.776.053
9	Công ty Cổ phần Vật tư -TKV				562.022.321
10	Tổng Công ty công nghiệp hóa chất mỏ - vinacomin				5.920.560.511
11	Công ty than Hạ Long -TKV				27.553.688.319
12	Công ty kho vận và cảng Cẩm Phả - vinacomin				10.190.567.837
13	Tập đoàn Công nghiệp than Khoáng sản Việt Nam				830.610.000
14	Công ty than Nam Mẫu -TKV				23.794.461.687
15	Công ty kho vận Đá Bạc - vinacomin				1.097.826.000
16	Công ty than Uông Bí -TKV				23.576.993.992
17	Công ty than Hồng Thái - TKV				10.848.390.556
18	Công ty xây dựng mỏ hầm lò I - vinacomin				6.581.703.794
19	Công ty xây dựng mỏ hầm lò II - TKV				1.363.772.234
20	Công ty Cổ phần chế tạo máy - vinacomin				54.832.500
21	Công ty Cổ phần than Tây Nam Đá Mài - vinacomin				11.261.723.093
22	Công ty than Mạo Khê -TKV				1.227.664.000
23	Công ty CP Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - vinacomin				6.166.994
24	Ban Quản lý dự án nhà máy Tuyển than Khe Chàm - vinacomin				435.670.000
25	Công ty CP kinh doanh than Cẩm Phả - vinacomin				236.304.051
26	Công ty Cổ phần than Vàng Danh -vinacomin				22.617.574.568
27	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV				104.720.000
28	Công ty Kho vận Hòn Gai - vinacomin				4.684.396.000
29	Công ty than Hòn Gai - vinacomin				9.591.851.000

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Phụ biểu 03

Địa chỉ: Đường Huỳnh Thúc Kháng, phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG KÊ DV VẬN CHUYỂN BÁN NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

TT	Tên đơn vị mua	Đơn vị tính	Số lượng	Doanh thu	
				Đơn giá	Giá trị (VNĐ)
A	B	C	1	2	3
30	Công ty Cổ phần than Hà Tu - vinacomin				8.975.655.026
31	Công ty Tuyển than Hòn Gai - vinacomin				1.019.922.600
32	Công ty Tuyển than Cửa Ông - TKV				4.311.200.939
33	Công ty TNHH MTV môi trường -TKV				129.672.245
34	Công ty Cổ phần Than Núi Béo -vinacomin				5.293.552.500
	Tổng cộng				308.879.343.958

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN

Quảng Ninh, ngày 15 tháng 03 năm 2017

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Nhung

Nguyễn Ngọc Hải



Nguyễn Thị Nhung

Nguyễn Ngọc Hải

Phan Văn Cường

BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Stt	Tên đơn vị	Các khoản công nợ					
		131		331		138	
		Ngắn hạn	Dài hạn	Ngắn hạn	Dài hạn	Ngắn hạn	Dài hạn
A	B	1	2	3	4	5	6
A	CÁC KHOẢN NỢ PHẢI THU	34.601.957.325	-	-	-	-	-
1	Công ty Cổ phần than Đèo Nai - vinacomin	959.575.926	-	-	-	-	-
2	Công ty Cổ phần than Cọc Sáu - vinacomin	1.587.408.656	-	-	-	-	-
3	Công ty Cổ phần than Cao Sơn - vinacomin	1.561.480.944	-	-	-	-	-
4	Công ty Than Thống Nhất - TKV	222.050.450	-	-	-	-	-
5	Công ty CP Than Mông Dương - vinacomin	933.903.199	-	-	-	-	-
6	Công ty Than Khe Chàm - TKV	1.535.315.298	-	-	-	-	-
7	Công ty Than Dương Huy - TKV	2.512.321.494	-	-	-	-	-
8	Công ty cổ phần chế tạo máy - vinacomin	50.712.750	-	-	-	-	-
9	Công ty Than Quang Hanh - TKV	2.378.728.506	-	-	-	-	-
10	Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ Quảng Ninh	56.727.000	-	-	-	-	-
11	Công ty công nghiệp hoá chất mỏ Cẩm Phả	2.772.988.652	-	-	-	-	-
12	Công ty XD mỏ Hầm lò I - vinacomin	4.210.032.609	-	-	-	-	-
13	Công ty XD mỏ Hầm lò II - TKV	351.905.667	-	-	-	-	-
14	Công ty Than Hạ Long - TKV	224.416.845	-	-	-	-	-
15	Công ty kho vận và Cảng Cẩm Phả - vinacomin	2.439.878.875	-	-	-	-	-
16	Công ty Than Nam Mẫu - TKV	1.247.454.879	-	-	-	-	-
17	Tập đoàn CN than khoáng sản Việt Nam	51.667.000	-	-	-	-	-
18	Công ty kho vận đá bạc - vinacomin	80.520.000	-	-	-	-	-
19	Công ty than Uông Bí -TKV	1.005.766.025	-	-	-	-	-
20	Công ty Than Mạo Khê -TKV	97.623.900	-	-	-	-	-
21	Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - vinacomin	1.050.773.115	-	-	-	-	-
22	Công ty Than Hồng Thái - TKV	985.448.776	-	-	-	-	-
23	Công ty TNHH MTV Môi trường -TKV	7.404.593	-	-	-	-	-

BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Stt	Tên đơn vị	Các khoản công nợ					
		131		331		138	
		Ngắn hạn	Dài hạn	Ngắn hạn	Dài hạn	Ngắn hạn	Dài hạn
A	B	1	2	3	4	5	6
24	Công ty Tuyển than Cửa Ông - TKV	1.996.919.333	-	-	-	-	-
25	Công ty Tuyển Than Hòn Gai - vinacomin	100.793.880	-	-	-	-	-
26	Ban Quản lý dự án nhà máy tuyển than Khe Chàm - vinacomin	48.044.700	-	-	-	-	-
27	Công ty Cổ phần than Vàng Danh - Vinacomin	1.901.884.675	-	-	-	-	-
28	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV	50.864.000	-	-	-	-	-
29	Công ty Kho vận Hòn Gai - Vinacomin	369.259.000	-	-	-	-	-
30	Công ty Than Hòn Gai - vinacomin	781.509.600	-	-	-	-	-
31	Công ty Cổ phần than Hà Tu - Vinacomin	849.805.242	-	-	-	-	-
32	Công ty cổ phần than Núi Béo - Vinacomin	2.153.492.944	-	-	-	-	-
33	Công ty Cổ phần kinh doanh than Cẩm phả - Vinacomin	25.278.792	-	-	-	-	-
B	CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ	-	-	7.586.866.679	-	-	-
1	Công ty CP vật tư - TKV	-	-	7.543.435.179	-	-	-
2	Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	-	-	23.375.000	-	-	-
3	Công ty CP sản xuất và thương mại than Uông Bí	-	-	20.056.500	-	-	-

Quảng Ninh, ngày 15 tháng 03 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN




Nguyễn Thị Nhung

Nguyễn Ngọc Hải



Phan Văn Cường